259506.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM

Số: 259506.25

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

1.0 Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Tế Việt Nam
- Giấy phép thành lập và hoạt động Ngân hàng số 23/GP-NHNN ngày 19.09.2022 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp thay thế Giấy phép thành lập và hoạt động số 95/GP-NHNN ngày 28.09.2018 và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tiên, tức ngày 25.01.1996, được sửa đổi bởi Quyết định số 2988/QĐ-NHNN ngày 14.08.2025
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Sài Gòn, thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028 6299 9039 Fax: 028 6299 9040 Email: vib@vib.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần
- Mã số thuế: 0100233488
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

- Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
- Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây: Cho vay; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bảo lãnh ngân hàng; Phát hành thẻ tín dụng; Bao thanh toán trong nước;
- Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
- Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
- Mở tài khoản: Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
- Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
- Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
- Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;
- Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
- Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
- Dịch vụ môi giới tiền tệ;
- Phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

- Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định;
- Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm: Sản phẩm hoán đổi lãi suất một đồng tiền (Interest rate swap); Sản phẩm hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền hoặc hoán đổi tiền tệ chéo (Cross currency swap); Sản phẩm lãi suất kỳ hạn (Forward rate agreement) và Sản phẩm quyền chọn lãi suất (Interest rate option);
- Mua nợ;
- Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
- Ví điện tử;
- Lưu ký chứng khoán;
- Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 56 Luật Chứng khoán;
- Ngân hàng giám sát theo pháp luật về chứng khoán.

2.0 Mục đích sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu

- Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại các nghị quyết được nêu chi tiết dưới đây:

STT	Mã trái phiếu	Văn bản phê duyệt	Tổng Khối lượng phát hành theo mệnh giá	Mục đích sử dụng vốn
I	**Trái phiếu đã phát hành đã đáo hạn, mua lại và được thanh toán trong kỳ báo cáo**			
1	VIBL2226001	Nghị quyết số 010.22.BOD ngày 22 tháng 02 năm 2022	948.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt sẽ được sử dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của VIB nhằm tăng cường cấp tín dụng cho các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
II	**Trái phiếu còn dư nợ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025**			
1	VIBL2330004	Nghị quyết số 050.23.BOD ngày 28 tháng 09 năm 2023	1.210.000.000.000	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân
2	VIBL2330005	Nghị quyết số 050.23.BOD ngày 28 tháng 09 năm 2023	790.000.000.000	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân

259506.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

STT	Mã trái phiếu	Văn bản phê duyệt	Tổng Khối lượng phát hành theo mệnh giá	Mục đích sử dụng vốn
3	VIBL2427001	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	1.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
4	VIBL2427002	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
5	VIBL2427003	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
6	VIBL2427004	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
7	VIBL2427005	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
8	VIBL2427006	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	1.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
9	VIBL2427007	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
10	VIBL2427008	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp

STT	Mã trái phiếu	Văn bản phê duyệt	Tổng Khối lượng phát hành theo mệnh giá	Mục đích sử dụng vốn
11	VIBL2427009	Nghị quyết số 029.24.BOD ngày 05 tháng 07 năm 2024	2.000.000.000.000	Vốn huy động từ việc phát hành trái phiếu từng đợt được sử dụng cho mục đích cho vay các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp
12	VIBL2431010	Nghị quyết số 053.24.BOD ngày 06 tháng 12 năm 2024	2.000.000.000.000	Bổ sung vốn cấp 2 nhằm mục đích cho vay các khách hàng doanh nghiệp và cá nhân

3.0 Tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu và tiến độ giải ngân số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp còn dư nợ:

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2025

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01.01.2025 đến ngày 30.06.2025	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 30.06.2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
I.	**Tăng vốn cấp 2**		**4.000.000.000.000**	**-**	**4.000.000.000.000**
1	Hoạt động cho vay		4.000.000.000.000	-	4.000.000.000.000
1.1		VIBL2330004	1.210.000.000.000	-	1.210.000.000.000
1.2		VIBL2330005	790.000.000.000	-	790.000.000.000
1.3		VIBL2431010	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
II.	**Mục đích khác theo pháp luật các tổ chức tín dụng**		**16.948.000.000.000**	**-**	**16.948.000.000.000**
1	Hoạt động cho vay		16.948.000.000.000	-	16. 948.000.000.000
1.4		VIBL2226001	948.000.000.000	-	948.000.000.000
1.5		VIBL2427001	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.6		VIBL2427002	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
1.7		VIBL2427003	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.8		VIBL2427004	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000

259506.25

VIB
Ngân hàng Quốc Tế

STT	Mục đích sử dụng số tiền thu được từ trái phiếu	Mã trái phiếu	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 31.12.2024	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trong kỳ báo cáo (từ ngày 01.01.2025 đến ngày 30.06.2025	Tình hình thực tế sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu lũy kế đến ngày 30.06.2025
			Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)	Số tiền (đồng)
1.9		VIBL2427005	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.10		VIBL2427006	1.000.000.000.000	-	1.000.000.000.000
1.11		VIBL2427007	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.12		VIBL2427008	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
1.13		VIBL2427009	2.000.000.000.000	-	2.000.000.000.000
Tổng (I+II)			**20.948.000.000.000**	**-**	**20.948.000.000.000**

Ghi chú: Trong kỳ báo cáo, Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam đã thực hiện thủ tục mua lại với mã trái phiếu VIBL2226001.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác và đầy đủ của báo cáo nêu trên.

Người lập báo cáo
Giám đốc Phòng Thị trường vốn - TRS

Nguyễn Ngọc Thanh

TUQ. Tổng Giám đốc
Người được ủy quyền công bố thông tin

M.S.D.N: 0100[illegible]488 - C.T.C.P
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN QUỐC TẾ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Minh Huệ